TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 480/2023/DS-PT
Ngày: 27/9/2023
V/v "Tranh chấp chia thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;
Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Nam;
Ông Phạm Đình Khánh.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Thu Mai, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý 15/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 01 năm 2022 về việc "Tranh chấp chia thừa kế" do Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2021/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố H8 bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 9868/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 9 năm 2023 giữa:

**** Nguyên đơn:*** Ông Doãn Quốc B, sinh năm 1947; Trú tại: Số 150 X, phường X1, quận X2, thành phố H8 (Có mặt).

**** Bị đơn*:** Ông Doãn Ngọc H, sinh năm 1941 (chết ngày 23/01/2020).

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Doãn Ngọc H:

- Anh Doãn Quốc T, sinh năm 1970; Trú tại: Số 17 tổ 20, phường X3, quận X4, thành phố H8 (Có mặt).

- Chị Doãn Mai H1, sinh năm 1973; Trú tại: P411 Tòa nhà TL số 33 O, phường X3, quận X4, thành phố H8 (Vắng mặt).

- Anh Doãn Quốc Tr, sinh năm 1985; Trú tại: Số 10 ngách 1/2 , ngõ 1 O1, phường O2, quận O3, thành phố H8 (Vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của anh T: Luật sư Nguyễn Hà L và luật sư Phạm Lệ Q – Văn phòng luật sư HĐ thuộc Đoàn luật sư thành phố H8 (Có mặt luật sư Q, vắng mặt luật sư L).

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Doãn Quốc S, sinh năm 1923 (Vắng mặt).

Cư trú: 19714 Z, TX 77379 USA.

2. Bà Doãn Thị Q1, sinh năm 1938 (Vắng mặt).

Cư trú: 8525 Z1, CA 92841 USA.

3. Bà Doãn Thị C, sinh năm 1929 (chết ngày 10/4/2019).

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà C:

- Bà Đoàn Thị Như M, sinh năm 1958; Địa chỉ: Số 72-B1 đường Z2, phường 4, thành phố Z3, tỉnh Bà Rịa – Vùng Tàu (Vắng mặt).

- Bà Đoàn Thị Bích V, sinh năm 1960; Địa chỉ: P304-B8, phường Z4, quận Z5, thành phố H8 (Vắng mặt).

- Ông Đoàn Quang M1, sinh năm 1961; Địa chỉ: Số 109/1/3-5 đường Z6, phường 1, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

- Ông Đoàn Đức M2, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số 107 Y, phường X1, quận X2, thành phố H8 (Vắng mặt).

- Ông Đoàn Văn M3, sinh năm 1956; chết ngày 20/01/2010; Có vợ bà Phạm Thanh H2, sinh năm 1957; Các con là Chị Đoàn Thanh P, sinh năm 1989; anh Đoàn Minh K, sinh năm 1992; Cùng địa chỉ: Số 220/6 đường Z7, phường 17, quận Z8, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

4. Ông Doãn N, sinh năm 1933; Cư trú tại: 53E tổ 23, phường Z9, quận Z5, thành phố H8 (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông N: Ông N1, sinh năm 1969; Địa chỉ: 53E tổ 23, phường Z9, quận Z5, thành phố H8 (Có mặt).

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông N: Luật sư Đào Duy M4 và luật sư Nguyễn Đình M5 - Công ty Luật TNHH TD thuộc Đoàn luật sư thành phố H8 (Có mặt).

5. Bà Doãn Thị M6, sinh năm 1944; Địa chỉ: Số 107 Y, phường X1, quận X2, thành phố H8 (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà M6: Ông Doãn Quốc B, sinh năm 1947; Trú tại: Số 150 X, phường X1, quận X2, thành phố H8 (Có mặt).

6. Bà Doãn Thị B1, sinh năm 1956; trú tại: Xóm 2 Y2, quận Y3, thành phố H8 (Vắng mặt).

7. Ông Đào Quang H3, sinh năm 1947; Chị Đào Thu H4, sinh năm 1974 và Chị Đào Tuyết M7, sinh năm 1976; Cùng địa chỉ: Số 15, ngõ 113 phố Y4, phường X3, quận X4, thành phố H8 (Vắng mặt).

8. Bà Ngô Thị H5, sinh năm 1947; Ông Nguyễn Văn V1, sinh năm 1941; Cùng địa chỉ: Số 19, ngõ 113 phố Y4, phường X3, quận X4, thành phố H8 (Vắng mặt).

9. Anh Doãn Quốc T, sinh năm 1970; Chị Kim Thu T1, sinh năm 1970 và Các con: Cháu Doãn Thu L, sinh năm 1995, cháu Doãn Thị Thanh H6, sinh năm 2002, cháu Doãn Minh Huy, sinh năm 2005; Cùng trú tại: Số 17 tổ 37 phố Y4, phường X3, quận X4, thành phố H8 (Có mặt anh T còn lại vắng mặt).

10. Ông Nguyễn Thành T2; Trú tại: Số nhà 15 ngõ 113 phố Y4, phường X3, quận X4, thành phố H8 (Vắng mặt).

11. Anh Nguyễn Thanh T3, sinh năm 1974; Chị Lê Thị O2 (vợ anh Tùng); Cháu Nguyễn Tùng B2 và Cháu Nguyễn Bảo C1; Cùng trú tại: Số nhà 19 ngõ 113 phố Y4, phường X3, quận X4, thành phố H8 (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, nguyên đơn ông Doãn Quốc B trình bày:

Ngày 06/02/2007, ông Doãn Quốc B khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của bố mẹ để lại là 3 gian nhà thờ và 1 gian nhà trên diện tích đất khoảng 400m² tại số nhà 17 - 19 ngõ 113 Y4, quận X4, thành phố H8, hiện do ông Doãn Quốc H7 và con trai đang quản lý, sử dụng.

Nguồn gốc thửa đất là tài sản của cụ Doãn H7 và cụ Hoàng Thị Đ (là bố mẹ ông B) tạo dựng. Năm 1975, cụ Doãn H7 chết, cụ Đ chết năm 1986, hai cụ chết không để lại di chúc. Hai cụ có 7 người con gồm:

1. Ông Doãn Quốc S sinh năm 1923;

2. Bà Doãn Thị C sinh năm 1929;

3. Ông Doãn N sinh năm 1933;

4. Bà Doãn Thị Q1 sinh năm 1938;

5. Ông Doãn Quốc H7 sinh năm 1941;

6. Bà Doãn Thị M6 sinh năm 1944;

7. Ông Doãn Quốc B sinh năm 1947.

Sau khi cụ Đ chết, ông H tự ý bán khoảng 100m² (hiện mang số nhà 19 ngõ 113 Yên Hòa), phần còn lại ông H quản lý là nhà số 17 ngõ 113 hiện nay. Ông B đề nghị Tòa chia thừa kế đối với tài sản của cụ H7 và cụ Đ để lại theo quy định của pháp luật. Ngoài ra về trường hợp của bà Nguyễn Thị Đ1 sinh năm 1919, ông B trình bày: Bà Đ1 được bố mẹ ông đưa về nuôi từ lúc hơn 10 tuổi,

coi như con nuôi của bố mẹ ông, nhưng không làm thủ tục nhận con nuôi. Bà Đ1 ở với bố mẹ ông đã lâu và được các cụ cho khoảng 40m² đất để làm nhà, hiện thửa đất này là nhà số 15 ngõ 113 Y4. Nhưng sau đó ông B không thừa nhận bà Đ1 là con nuôi trong gia đình vì không có tài liệu giấy tờ gì chứng minh bà Đ1 là con nuôi, và bà Đ1 đã được bố mẹ ông cho 40m² đất rồi nên bà Đ1 không được hưởng thừa kế nữa. Ngày 20/9/2018, ông B có đơn đề nghị Tòa chia thừa kế theo pháp luật và công nhận văn bản nhường quyền thừa kế của ông S, bà Q1, bà M6 cho ông B, ông đề nghị được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật.

Bị đơn ông Doãn Quốc H7 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Doãn Quốc T đồng thời là người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H trình bày:

Anh T thừa nhận 2 cụ Doãn H7 và Hoàng Thị Đ có 7 người con như ông B trình bày, hiện nay có ông S và bà Q1 đã định cư tại Mỹ. Các cụ có 2 khối tài sản gồm:

- Ngôi nhà tại số 107 Y, X2 diện tích 165m², hiện đã bán phần lớn, chỉ còn lại phần gara xe do bà M6 đang ở.

- Ngôi nhà ở xóm Tre, làng Cót theo trích lục năm 1960 có diện tích 450m² (nay là nhà số 15, 17, 19 ngõ 113 phố Y4).

Anh T trình bày về ngôi nhà ở Y: được các cụ sang tên cho bà C ngày 20/3/1971 với ý nghĩa để trông nom. Năm 1978 giữa bà C và ông B có mâu thuẫn nên cụ Hoàng Thị Đ đã viết bản di chúc ngày 24/7/1978 chia nhà cho 5 người con (lúc này ông S và bà Q1 ở trong Thành phố Hồ Chí Minh). Năm 1992, bà C kiện ông B để đòi nhà ở Y. Ông B, ông H, ông N có yêu cầu phản tố đề nghị chia thừa kế theo di chúc của cụ Đ năm 1978.

Bản án sơ thẩm năm 1993 chấp nhận yêu cầu của bà C. Ông N, ông H, ông B kháng cáo. Đến năm 1994 thì có Quyết định hoà giải thành ghi nhận bà C không nhận thừa kế tại ngôi nhà xóm Tre, làng Cót, bà M6 được hưởng phần gara xe tại nhà 107 Y, bà viết đơn gửi Toà (ngày 26/12/1993) cam kết không đòi phần thừa kế trong Cót; ông B nhận 32,5 cây vàng và viết cam kết không đòi thừa kế nhà trong Cót (giấy ghi nhận ngày 25/12/1993).

Anh T trình bày:

Về ngôi nhà ở làng Cót: ông H là bố anh T ở ngôi nhà làng Cót, ngoài ra còn có mẹ con bà Đ1 và chị B1 (tên khác là Hạ) ở.

Về bà Nguyễn Thị Đ1: Bà Đ1 được 2 cụ H7, cụ Đ cưu mang trước năm 1945, sau đó lấy cháu họ cụ H7 (ông Doãn K1), ban đầu sau khi lấy chồng bà Đ1 ở gian nhà ngang, sau một thời gian thì bà Đ1 về nhà chồng ở ngõ Văn Chương, Hà Nội sinh sống. Năm 1988, chị B1 (Hạ) cùng chồng là anh Cường chuyển về nhà ở làng Cót và xảy ra mâu thuẫn với gia đình anh; mâu thuẫn kéo dài trong thời gian hơn 10 năm, nguyên nhân là do vợ chồng chị Hạ đòi chia sở

hữu một phần nhà làng Cót. Năm 2003, Ủy ban nhân phường X3 hoà giải giữa gia đình ông H với bà Đ1 đã lập biên bản thoả thuận ngày 07/8/2003 với nội dung: phần diện tích bà Đ1 được hưởng là 43m² (nay là nhà số 15), phần còn lại thuộc quyền sử dụng của gia đình ông H (nay là nhà số 17).

Về di chúc ngôi nhà làng Cót: nội dung Di chúc ngày 16/01/1983 quyết định giao toàn quyền sở hữu ngôi nhà trong Cót cho con trai là ông Doãn Ngọc H, mong muốn được giữ lại ngôi nhà để làm nơi gia đình đi xa về gần, sau khi viết xong có mang ra Ủy ban để chứng thực nhưng do viết không đúng quy cách nên Ủy ban yêu cầu viết lại. Ngày 18/01/1983, ông H đã viết lại di chúc theo ý cụ Đ và đã được Ủy ban nhân dân xã Y4 xác nhận (xác nhận chữ ký của cụ Đ).

Về việc bán đất: Ngày 05/01/1993, ông H đã nhượng lại 110m² đất cho gia đình bà H5, ông V1 (nay là nhà số 19 ngõ 113 phố Y4) với giá 3 cây vàng để lấy tiền sửa chữa lại khu nhà thờ.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 04/7/1994, bà Q1 viết giấy uỷ quyền thừa kế phần ngôi nhà Cót cho em trai Doãn H quản lý. Trong biên bản họp giữa 3 anh em là ông N, ông H và ông B có đưa ra quan điểm phân chia tài sản trong trường hợp bà C trả tiền nhà Y: nhà Cót thuộc về ông H còn ông B và ông N lấy tiền bồi thường. Việc phân chia nhà ở Y và làng Cót đã được các anh em trong nhà thoả thuận (nhà ở Y giá trị lớn, gia đình bà C đã bán được hơn 700 cây vàng), do vậy việc gia đình ông H được hưởng nhà làng Cót là hợp tình hợp lý. Ông B khởi kiện đòi chia thừa kế ngôi nhà làng Cót là trái đạo đức, anh không chấp nhận. Việc ông H bán 110m² đất cho bà H5 thì cả ông N, ông B và mọi người đều biết, không có ý kiến gì, nếu mọi người phản đối thì việc mua bán đã không thành.

Ngày 23/01/2020, ông H đã chết Tòa án cấp sơ thẩm đưa những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H là anh Doãn Quốc T, chị Doãn Mai H1, anh Doãn Quốc Tr tham gia tố tụng. Chị H1, anh Tr không trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Những người có quyền và nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Ông Doãn N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trình bày:

Theo mẹ ông kể lại trước đây nhà ông làm nghề thủ công nhuộm giấy màu nên mua được 2 nhà trong nội đô là nhà số 6 Y6 và số 107 Y. Sau năm 1954, mẹ ông giao hẳn việc ngoài phố cho bà Doãn Thị C quản lý. Năm 1959, bà C đã bán nhà số 6 Y6 để trả nợ thuế; bà C xứng đáng được hưởng nhà 107 Y, cũng ở nhà này có ông B và bà M6. Trong quá trình hoà giải ở Toà án, bà C cho ông B 24,5 cây vàng để mua nhà nơi khác, cho ông 8 cây vàng, cho ông H 2 cây. Ông và ông H đã cho lại ông B để giúp ông B tìm chỗ ở ổn định, ông B đã viết giấy khẳng định không nhận phần thừa kế nhà trong quê làng Cót.

Về nhà ở quê Làng Cót, nay là nhà 17 - 19 ngõ 113 Y4: ông H sống với bố mẹ ông từ bé đến nay. Cùng sống ở đó còn có vợ chồng ông Doãn K1 – bà Đ1, trong quá trình kiện tụng thì bà Đ1 đã bán phần nhà bà Đ1 ở cho ông Đào Quang H3. Ông H bán 1 phần đất cho ông V1, bà H5, diện tích còn lại hiện nay do gia đình anh T (con ông H) ở và quản lý.

Về bà Đ1, ông N có quan điểm: về mặt tình cảm thì bà Đ1 xứng đáng là con nuôi của bố mẹ ông, còn về pháp lý thì không có gì thể hiện bà Đ1 là con nuôi, đề nghị chia cho bà Đ1 bằng kỷ phần ông được hưởng, tính cả phần bà Đ1 đã nhận 40m². Trong di chúc của cụ Đ có 2 lần cụ Đ nhắc đến bà Đ1 là cháu dâu.

Nay ông N đề nghị chia thừa kế nhà đất tại số 17 – 19 ngõ 113 Y4 theo quy định của pháp luật và ông được nhận đúng kỷ phần thừa kế theo pháp luật, ngoài ra còn những phần của người khác cho ông thì ông xin không nhận mà góp vào phần nhà thờ chung cho tất cả mọi người trong gia đình.

2. Bà Doãn Thị C trình bày: Về quan hệ huyết thống trong gia đình, bà nhất trí như lời khai của ông B. Về bà Nguyễn Thị Đ1 được bố mẹ bà coi như con trong gia đình, nhưng không làm giấy tờ xác nhận là con nuôi. Khi mẹ bà mất, anh em bà đã làm theo lời cụ là cắt cho bà Đ1 khoảng 40m² đất ở căn nhà ngang, bà Đ1 nhận như vậy là đủ, việc bà Đ1 yêu cầu được chia thừa kế di sản của bố mẹ bà thì bà không đồng ý. Bà đề nghị chia thừa kế theo quy định của pháp luật, phần bà được hưởng thì bà giao cho ông B được hưởng. Việc ông H bán nhà đất cho ông V1, anh chị em bà biết, không đồng ý và có đơn gửi chính quyền nhưng cuối cùng ông V1 vẫn được cấp sổ đỏ. Phần này, coi như ông H đã được hưởng nên không chia cho ông H nữa.

Ngày 10/4/2019, bà C đã chết Tòa án tiến hành đưa những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà C gồm bà Đoàn Thị Như M, bà Doãn Thị Bích V, ông Đoàn Quang M1, ông Đoàn Đức M2, ông Đoàn Văn M3 là con của bà C tham gia tố tụng. Ông Đoàn Văn M3 chết ngày 20/01/2010 Tòa án tiến hành đưa những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông M3 là bà Phạm Thị H2, chị Đoàn Thanh P, anh Đoàn Minh K là vợ, con ông M3 tham gia tố tụng. Những người có tên nêu trên không trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án.

3. Bà Doãn Thị M6 trình bày: Bố mẹ bà có 7 người con như ông B trình bày. Ngoài ra còn có bà Đ1 là con nuôi, cụ H7 nhận nuôi từ khi bà Đ1 13 tuổi, bà Đ1 đã được các cụ cho 40m² nhà đất tại số 15. Bà Đ1 đã được hưởng đất này thì không được hưởng thừa kế nữa. Di sản các cụ để lại là 450m² nhà số 17+19 có 1 ngôi nhà thờ, 3 gian mái ngói, 1 nhà gác 2 tầng, 1 nhà ngang, 1 khu công trình phụ, giếng khơi, bể nước, 1 số cây ăn quả… Năm 1993 ông H đã bán 100m² đất cho ông V1, bà H5, các ông bà không đồng ý và có gửi đơn đến chính quyền đề nghị giải quyết số tiền bán đất, ông H sử dụng hết không cho ai. Bà không thừa nhận bản di chúc của cụ Đ, vì thời điểm này sức khỏe của cụ rất yếu. Ông S, bà Q1 định cư bên Mỹ đã có giấy khước từ thừa kế. Còn giấy nhường

quyền thừa kế của bà Q1 cho ông H là để ông H quản lý chứ không phải cho đứt ông H. Việc chia thừa kế di sản của bố mẹ bà để lại tại làng Cót (nay thuộc phường X3, Cầu Giấy) phần của bà, bà nhường lại cho em ruột là Doãn Quốc B, giấy tờ đã được làm hợp pháp tại phòng Công chứng. Bà đã ủy quyền cho ông B toàn quyền giải quyết tại Tòa án và xin vắng mặt trong các buổi làm việc. Ngày 05/4/2007, bà M6 có lập văn bản công chứng tại Phòng công chứng số 3 Hà Nội về việc nhường quyền hưởng thừa kế là di sản của bố mẹ để lại là quyền sử dụng 3 thửa đất tại xã Y4 cho em trai là ông Doãn Quốc B.

4. Bà Doãn Thị B1 (con của bà Đ1) trình bày: Cụ Doãn H7 và cụ Hoàng Thị Đ sinh được 7 người con và bà Nguyễn Thị Đ1 là con nuôi từ năm 13 tuổi. Khi hai cụ còn sống, 2 cụ đã cho bà Nguyễn Thị Đ1 3 gian nhà ngang tại số nhà 17, tổ 37 (nay là tổ 20) phường X3, quận X4, thành phố H8, 40m² nhà đất. Hai cụ cho bà Doãn Thị C ngôi nhà 107 Y. Bà C lại cho bà M6 khoảng 30m², ông N 8 cây vàng, ông H 2 cây vàng, ông B 22 cây vàng vì trước đây ông B sử dụng ngôi nhà 107 Y. Ông Doãn Quốc S và bà Doãn Thị Q1 khi đó đã có giấy khước từ cho tất cả các em phần thừa kế của mình. Nay ông B đã khởi kiện xin chia thừa kế tài sản của hai cụ H7 và cụ Đ, gia đình bà đề nghị Tòa chia thừa kế theo pháp luật vì bà Nguyễn Thị Đ1 là con nuôi, đã có nhiều công sức với gia đình cụ H7 và cụ Đ. Bà Bào nộp các tài liệu là các đơn đề nghị của ông B, ông N, ông S, bà C, bà M6 về việc gia đình coi bà Đ1 như là con nuôi trong gia đình, bà Đ1 ở với các cụ từ năm 13 tuổi đến nay.

5. Ông Đào Quang H3 là người mua lại nhà số 15 của bà Đ1 trình bày: Tháng 10 năm 2003 gia đình ông (chồng là ông Đào Quang H3 và vợ là bà Đặng Thị T4 cùng hai con là chị Đào Thu H4 và chị Đào Tuyết M7) có mua của bà Nguyễn Thị Đ1 ở số nhà 15 ngõ 113 tổ 37 (nay là tổ 20) phường X3, quận X4, thành phố H8 1 lô đất, diện tích 43m² tại địa chỉ trên. Lô đất đứng tên chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị Đ1 trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10113112975 do Ủy ban nhân dân quận X4 cấp. Mọi thủ tục mua bán diễn ra bình thường, bà Đ1 đã trao cho vợ chồng ông giấy tờ đầy đủ, sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính. Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10113112975 đã được Ủy ban nhân dân quận X4 ký xác nhận đứng tên vợ chồng ông là Đào Quang H3 và Đặng Thị T4. Tháng 3 năm 2004 gia đình ông có xây dựng nhà ở trên lô đất này và đã chuyển hộ khẩu đến từ 29 tháng 11 năm 2004. Ông H3 xin vắng mặt trong quá trình giải quyết của Tòa án.

Bà Đặng Thị T4 đã mất ngày 16/12/2010 có ý kiến thống nhất với lời khai của ông H3. Chị Đào Thu H4 và chị Đào Tuyết M7 không trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án.

6. Ông Nguyễn Văn V1 và bà Ngô Thị H5 là người mua đất tại số nhà 19 của ông Doãn Ngọc H trình bày: Vợ chồng ông bà mua đất của ông H, khi mua đất ông H có đưa ông bà xem di chúc của cụ Đ. Ông bà mua 104m² với giá

03 cây vàng, đến năm 2004 thì được cấp sổ đỏ và đã xây nhà trên đó. Ông bà xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết của Tòa án. Ông V1 nộp bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở cấp ngày 30/9/2004 cho ông V1, bà H5.

7. Chị Kim Thu H4 là vợ anh Doãn Quốc T trình bày: Chị làm dâu từ năm 1994, ngôi nhà mà anh chị đang ở lúc đó tang hoang; nhà dột, cửa, bàn thờ của tổ tiên bị mọt hết, các chú, các bác không ý kiến gì. Vì lý do công việc cũng như sức khỏe, bố chồng chị có giao cho vợ chồng chị trông nom nhà cửa. Trong quá trình ở anh chị đã nhiều lần phải tu sửa nhà cửa. Lần sửa đầu tiên là năm 1996 có lát lại nền nhà tầng 1 của gian gác cùng phòng để ban thờ. Đến năm 1999, trùng tu lại toàn bộ nhà cửa, đổ trần tầng 1 của gian gác (trước đây là sàn gỗ đã hỏng). Cũng thay mới toàn cửa ra vào cùng cửa sổ của cả ngôi nhà. Năm 2003, gia đình chị và gia đình bà Đ1 đã cùng nhau giải quyết và đi đến thống nhất (có mặt đại diện của chính quyền phường) cắt cho bà Đ1 43m² nay là số nhà 15, tổ 37 (nay là tổ 20), phường X3, quận X4, thành phố H8. Sau khi bà Đ1 nhận phần đất của mình, anh chị phá bỏ công trình vệ sinh, tu sửa lại cổng ngõ và lát lại nền sân trước của ngôi nhà. Lần sửa gần đây nhất là năm 2005 có lát lại sân sau của ngôi nhà. Ngôi nhà được đẹp đẽ như bây giờ là cả quá trình lao động, mồ hôi công sức của anh chị.

**** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác:***

Ông Nguyễn Thành T2 cùng gia đình là người hiện đang sinh sống tại số nhà 15, tổ 20, phố Y4, phường X3, quận X4, thành phố H8 không trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Anh Nguyễn Thanh T3 là con ông Nguyễn Văn V1 và bà Ngô Thị H5 cùng vợ là chị Lê Thị O2 cùng các con là cháu Nguyễn Tùng B2, cháu Nguyễn Bảo C1 hiện đang sinh sống tại số nhà 19, tổ 20, phố Y4, phường X3, quận X4, thành phố H8 không trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án.

*** Bà Nguyễn Thị Đ1** thừa nhận 2 cụ Doãn H7 và Hoàng Thị Đ có 7 người con như ông B trình bày, hiện nay có ông S và bà Q1 đã định cư tại Mỹ. Ngoài ra hai cụ H7, Đức còn nhận tôi (Nguyễn Thị Đ1) làm con nuôi từ khi bà được 13 tuổi lúc đó hai cụ đã sinh được ba người con đầu S, C, N. Năm bà 20 tuổi bố mẹ nuôi cưới gả bà cho cháu ruột là ông Doãn K1. Vợ chồng ông bà ở với bố mẹ nuôi vì ông Doãn K1 mồ côi cha mẹ từ năm 06 tuổi được ông bà Doãn H7 mang về nuôi. Sau đó chồng bà đi tham gia kháng chiến, bộ đội chống Pháp. Bà ở lại nhà với bố mẹ nuôi, thỉnh thoảng chồng về thăm nom. Trong khoảng thời gian 1946 - 1955 tôi sinh hạ được 02 người con trai nhưng đều chết cả (01 chết vì bà làm vất vả không có sữa cho con bú khi được 02 tháng, 01 chết khi 03 tháng vì bà phải đi dân công hỏa tuyến thay suất của bố mẹ nuôi, đi dân công về thì con đã chết). Sau đó năm 1956 bà sinh được cháu gái Doãn Thị B1, bố cháu đi kháng chiến đến năm 1962 thì về nhưng ông ra ở riêng với vợ lẽ. Còn hai mẹ con bà vẫn ở lại sống và làm việc hầu hạ bố mẹ nuôi cho đến khi các cụ

qua đời. Năm nay, bà đã 90 tuổi. Quá trình chung sống hai cụ có tạo lập được một khối tài sản bao gồm 03 gian nhà thờ và 01 nhà gác gắn liền trong khoảng 450m² đất hiện mang số nhà 17 và 19 tổ 37 phường X3, quận X4, thành phố H8 và một gian nhà ba gian nằm trên diện tích khoảng 40m² đất hiện mang số nhà 15 tổ 37 phường X3, quận X4. Riêng diện tích nhà nằm trên khoảng 40m² đất hiện mang số nhà 15 tổ 37 phường X3, quận X4, khi còn sống cụ H7, cụ Đ đã cho riêng vợ chồng bà là Nguyễn Thị Đ1 và ông Doãn K1. Năm 1975, cụ Doãn H7 mất không để lại di chúc. Năm 1986, cụ Hoàng Thị Đ mất không để lại di chúc.

Sau khi cụ Đ mất, ông H tự bán khoảng 120m² đất hiện mang số nhà 19, tổ 37, phường X3, quận X4, thành phố H8, phần nhà và tài sản còn lại hiện mang số 17, tổ 37 phường X3, quận X4, thành phố H8, ông H tự quản lý sử dụng.

Nay ông Doãn Quốc B khởi kiện ông Doãn H đồng thời yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố H8 phân chia di sản của cụ H7 và cụ Đ (nhà, đất hiện tọa lạc tại số nhà 17, 19 tổ 37, phường X3, quận X4, thành phố H8), theo luật, bà có ý kiến như sau:

Bản thân ông H cũng như con ông H là những người hết sức ích kỷ, luôn có thái độ kỳ thị đối với anh em ruột thịt vì cho rằng mọi người có ý định chiếm đất, đã có lần do anh chị em trong gia đình yêu cầu giải quyết đất đai, di sản của bố mẹ để lại, con trai ông H tức là anh T đã đánh chị Doãn Thị B1 bằng xà beng sắt khiến bị khâu 9 mũi trên đỉnh đầu nằm viện dài ngày. Trong quá trình giải quyết nội bộ, ông H có xuất trình một bản di chúc do cụ Hoàng Thị Đ ký và xác định đây là ý nguyện của cụ Đ từ năm 1983. Cả gia đình đều không tin rằng có bản di chúc này, chữ viết trong bản di chúc là của ông H viết thời điểm lập di chúc lúc bà Hoàng Thị c rất yếu không M3 mẫn để biết được nội dung của di chúc thế nào. Do đó bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Doãn Ngọc B về việc chia tài sản của cụ H7, cụ Đ tại nhà 17 – 19, tổ 37 (nay là tổ 20), phường X3, quận X4, thành phố H8 theo quy định của pháp luật. Bà Đ1 đã mất ngày 04/3/2009.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá, kết quả như sau:

*** Kết quả định giá ngày 05/5/2011:**

- Giá trị quyền sử dụng đất tại nhà số 15 là 65.000.000đ/m².

- Giá trị quyền sử dụng đất tại nhà số 19 (diện tích 104m²) là 65.000.000đ/m².

- Giá trị quyền sử dụng đất tại nhà số 17 (diện tích 337,3m²) là 60.000.000đ/m².

Tài sản trên đất:

- Nhà số 17, tổng giá trị nhà và cây cối: 333.266.921đ.

- Nhà số 15 trị giá 392.098.067đ.

- Nhà số 19 trị giá 1.479.901.465đ.

*** Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 05/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H8 kết quả:**

Ngoài các công trình xây dựng được ghi nhận trong Biên bản thẩm định, định giá ngày 01/4/2011, anh Doãn Quốc T còn xây dựng một số công trình như sau:

+ Tại cổng lối vào, xây thêm tầng 2 (trước là nhà 1 tầng), diện tích tầng 2 khoảng 40m², lợp mái tôn.

+ Tại ngôi nhà số 2: có sửa chữa, xây thêm 1 phần tầng 2 của ngôi nhà này, tường xây gạch, lợp tôn chống nóng, có hàng hiên lát gạch đỏ, mái kèo sắt không gỉ, diện tích khoảng 30m² và cầu thang bằng inox.

+ Ngoài ra còn 1 nhà tạm vật liệu xây dựng bằng tre nứa, lợp mái lá cọ; sàn lát đá đen diện tích 2m05 x 2m60.

Các tài liệu do Tòa án thu thập được như sau:

*** Biên bản xác minh ngày 27/4/2007 Ủy ban nhân dân phường X3 cung cấp:** Nguyên thủy thửa đất đang có tranh chấp:

Theo bản đồ 1960, tờ bản đồ số 3 là các thửa đất số 356, 357, 359. Chủ các thửa đất trên là ông Doãn Thị (Doãn H7) và bà Hoàng Thị Đ trong đó thửa 356 diện tích 110m², thửa 357 có diện tích 240m² và thửa 359 có diện tích 100m². Tổng: 450m². Hiện nay bản đồ 1987 không còn lưu giữ.

Theo bản đồ 1992, ba thửa đất nói trên được gộp thành 2 thửa 639 có diện tích 41m² mang tên bà Nguyễn Thị Đ1 và thửa 642 diện tích 422m² mang tên ông Doãn Ngọc H.

Việc tại sao bà Đ1 được hưởng, địa phương không rõ. Bà Đ1 đã được cấp sổ đỏ sau đó bà Đ1 bán cho bà Đặng Thị T4. Bà T4 khai đã được sang tên giấy chứng nhận cho bà T4.

Một phần diện tích còn lại ông H bán lại 104m² cho ông Nguyễn Văn V1 và bà Ngô Thị H5. Ông V1 bà H5 đã được cấp giấy chứng nhận ngày 30/9/2004. Diện tích còn lại con ông H là anh Doãn Quốc T sử dụng. Năm 1983 ông Nguyễn Văn Liệt - Chủ tịch xã Yên Hòa chứng nhận chữ ký của cụ Đ trong văn bản ngày 18/01/1983, chúng tôi không được rõ (hiện ông Liệt đã chết).

*** Biên bản trao đổi ngày 02/6/2010 với Ủy ban nhân dân phường X3 thể hiện:**

Về nguồn gốc:

- Nhà 15, 17, 19 trước đây thuộc xóm Tre, xã Yên Hòa, Từ Liêm.

- Nhà 15 hiện nay do gia đình bà Đặng Thị T4 đang sinh sống. Nhà đất này được cấp sổ đỏ cho bà Nguyễn Thị Đ1. Việc bà Đ1 sang tên cho bà T4 hay chưa thì phường không biết. Theo bản đồ địa chính năm 1994 nhà đất số 15 thuộc thửa số 428 một phần và 429 có diện tích 43m².

- Nhà số 17 hiện nay do gia đình anh Doãn Quốc T đang sinh sống, thuộc thửa đất số 429 bản đồ năm 1994. Nhà đất này chưa được cấp sổ đỏ.

- Nhà số 19 hiện nay ông V1, bà H5 đang sinh sống thuộc thửa số 429 một phần, bản đồ năm 1994. Đã được cấp sổ đỏ cho ông V1, bà H5.

*** Tòa án có công văn đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H8** cung cấp thông tin về thửa đất đang tranh chấp. Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H8 có Văn bản số 3531 ngày 11/10/2010 trả lời:

- Thửa số 428 tờ bản đồ số 351-A-IV lập năm 1994 phường X3, quận X4 có nguồn gốc ở vị trí 1 phần thửa số 781 tờ 3 hạ Yên Quyết (bản đồ năm 1939) đứng tên cụ Doãn H7 và cụ Hoàng Thị Đ.

- Thửa số 429 tờ bản đồ số 351-A-IV lập năm 1994 phường X3, quận X4 có nguồn gốc ở vị trí 1 phần thửa số 782 tờ 3 hạ Yên Quyết (bản đồ năm 1939) đứng tên cụ Doãn H7 và cụ Hoàng Thị Đ.

Ông Doãn Quốc B cung cấp một số tài liệu liên quan đến ông Doãn Quốc S và bà Doãn Thị Q1, bà Doãn Thị M6 như sau:

- Giấy ủy quyền ngày 05/8/1996 của ông S và bà Q1 gửi về từ Mỹ, có đóng dấu xác nhận của chính phủ Mỹ, không có hợp pháp hóa lãnh sự Việt Nam tại Mỹ, nội dung ông S và bà M6 ủy quyền sở hữu phần thừa kế của hai ông, bà cho ông Doãn N, thay mặt hai người giải quyết việc thừa kế.

- Văn bản nhường quyền thừa kế của ông Doãn Quốc S và bà Doãn Thị Q1 do Văn phòng công chứng số 3 Hà Nội lập ngày 05/12/2005 tại phòng 304 B8 tập thể Nam Thành Công, Ba Đình, Hà Nội. Nội dung văn bản: ông S và bà Q1 xác định cụ H7 và cụ Đ có 7 người con, không có con nuôi… 2 người nhường quyền thừa kế cho 5 người em: ông N, ông H, bà C, bà M6, ông B. Văn bản có xác nhận của công chứng viên Nguyễn Quang P và đóng dấu của Phòng công chứng số 3 Hà Nội.

- Đơn xác nhận của ông S và bà Q1 ngày 05/5/2007 gửi về từ Mỹ, có thể hiện quan điểm là từ chối nhận di sản của bố mẹ, xin vắng mặt trong phiên tòa.

- Văn bản nêu quan điểm của bà Q1, ông S đề ngày 25/11/2007 có dấu của Bang California ghi cùng ngày 25/11/2007, có nội dung: ông S, bà Q1 giữ nguyên ý kiến nhường quyền thừa kế cho các em tại văn bản công chứng ngày 05/12/2005. Đối với bà Đ1 thì về mặt tình cảm bố mẹ ông thương bà Đ1 như con nuôi chứ không làm bất cứ một giấy tờ gì xác nhận là con nuôi. Để ghi nhận thiện cảm với bà Đ1, gia đình ông bà đã chia cho bà Đ1 40m² đất nằm trong di

sản của bố mẹ ông bà để lại. Bà Đ1 đã bán nhà đi ở nơi khác, vậy ông bà không có nghĩa vụ gì với bà Đ1.

- Văn bản nhường quyền thừa kế của bà M6 cho ông Doãn Quốc B đối với 3 thửa đất tại xã Yên Hòa, văn bản được công chứng tại Văn phòng công chứng số 3 Hà Nội ngày 05/4/2007.

* **Quá trình giải quyết vụ án:**

Tòa án nhân dân thành phố H8 đưa ra xét xử lần đầu vào ngày 29/9/2011, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã ra quyết định Đình chỉ giải quyết vụ án số 52/2011/QĐST-DS với nhận định như sau: "…Các văn bản của ông S bà Q1 gửi về từ Mỹ có xác nhận của chính quyền Hoa Kỳ nhưng không có hợp pháp hóa lãnh sự Việt Nam tại Hoa Kỳ và có nhiều nội dung không thống nhất khi họ có ủy quyền cho người này, khi họ có nguyện vọng cho người khác, khi không có yêu cầu gì, và lúc xác định bà Đ1 là con nuôi, lúc lại không. Bản thân ông N cũng không thống nhất giá trị của "văn bản nhường quyền thừa kế" ngày 05/12/2005 của ông S, bà Q1. Tòa đã yêu cầu ông B cung cấp địa chỉ có giá trị pháp lý của ông S, bà Q1 định cư tại Hoa Kỳ, quốc tịch của họ và văn bản ghi ý kiến của họ có hợp pháp hóa lãnh sự Việt Nam nhưng ông B xác định không thực hiện được. Xét thấy: Đối với yêu cầu của nguyên đơn nếu được chấp nhận thì quyền lợi của các người liên quan sẽ được giải quyết và ngược lại nếu không được chấp nhận thì quyền lợi của các người liên quan sẽ không được giải quyết vì họ không phải là nguyên đơn, không có yêu cầu độc lập. Do đó, ông B yêu cầu khởi kiện nhưng đã có cam kết không đòi thừa kế nhà đất tại làng Cót (nay là nhà đang tranh chấp); việc ông B cho rằng ông đòi các phần của các thừa kế khác là bà C, ông S, bà Q1 trong khi bản thân những người liên quan không khởi kiện, không có yêu cầu độc lập là không có căn cứ vững chắc…".

Quyết định Đình chỉ nêu trên bị kháng cáo.

Ngày 14/7/2016, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã ra Quyết định phúc thẩm số 91/2016/QĐ-TACC quyết định: Hủy Quyết định đình chỉ của Tòa án nhân dân thành phố H8, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố H8 giải quyết theo quy định của pháp luật với nhận định: "…- Thứ nhất: Văn bản nhường quyền thừa kế lập ngày 05/12/2005 tại phòng 304-b8 tập thể Nam Thành Công… đã có công chứng hợp pháp, địa chỉ của ông Doãn Quốc S là 2751 North Camden Park way, Houston, Texas 77067, USA; địa chỉ của bà Doãn Thị Q1 là 12831 Chelsea Circle, Garden Grove, CA 92840 USA. Tòa án nhân dân thành phố H8 thụ lý ngày 06/4/2007, ngày 05/7/2007 ông B cung cấp địa chỉ mới của ông S là 19714 Cristiwood Court Spring, TX 77379 USA; địa chỉ mới của bà Q1 là 8525 Lampson Ave # A Garden Grove, CA 92841 USA - Mỹ. Như vậy nguyên đơn đã cung cấp rõ địa chỉ của ông S, bà Q1.

- Thứ hai: ông S, bà Q1 trình bày nội dung không thống nhất là thuộc phạm vi đánh giá chứng cứ, không phải là căn cứ đình chỉ vụ án…".

Hội đồng xét xử phúc thẩm có viện dẫn Án lệ số 06 ngày 06/4/2016 để xem xét giải quyết vụ án. Ngày 16/01/2017, Tòa án nhân dân thành phố H8 thụ lý vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2021/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố H8 đã quyết định:

Căn cứ các Điều 13, Điều 14 của Pháp lệnh thừa kế năm 1990; Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 650, 651, 652, 688, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Án lệ số 06/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm đ khoản 2 Điều 12; khoản 2 Điều 24, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông Doãn Quốc B đối với ông Doãn Ngọc H về việc chia di sản thừa kế của cụ Doãn H7 và cụ Hoàng Thị Đ là 01 gian nhà thờ và 01 nhà gác 02 tầng; giá trị quyền sử dụng đất tại số nhà 17, 19 ngõ 113 phố Y4, tổ 20 phường X3, quận X4, thành phố H8 có diện tích 445,7m².

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập chia thừa kế của ông Doãn N đối với ông Doãn Ngọc H về việc chia di sản thừa kế của cụ Doãn H7 và cụ Hoàng Thị Đ là 01 gian nhà thờ và 01 nhà gác 02 tầng; giá trị quyền sử dụng đất tại số nhà 17, 19 ngõ 113 phố Y4, tổ 20 phường X3, quận X4, thành phố H8 có diện tích 445,7m².

3. Xác định diện và hàng thừa kế: Cụ Doãn H7, sinh năm 1903, chết năm 1975 và vợ là cụ Hoàng Thị Đ, sinh năm 1904, chết năm 1986. Thời điểm mở thừa kế của cụ H7 là năm 1975; cụ Đ là năm 1986. Hai cụ chết không để lại di chúc.

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ H7, cụ Đ gồm: ông Doãn Quốc S, sinh năm 1923; bà Doãn Thị C, sinh năm 1929; ông Doãn N, sinh năm 1933; bà Doãn Thị Q1, sinh năm 1938; ông Doãn Ngọc H, sinh năm 1941; bà Doãn Thị M6, sinh năm 1944; ông Doãn Quốc B, sinh năm 1947.

Bà Nguyễn Thị Đ1 không phải là con nuôi của cụ Doãn H7 và cụ Hoàng Thị Đ.

Ông Doãn Ngọc H đã chết ngày 23/01/2020, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H gồm có: anh Doãn Quốc T, sinh năm 1970; chị Doãn Mai H1, sinh năm 1973; anh Doãn Quốc Tr, sinh năm 1985.

Bà Doãn Thị C chết ngày 10/4/2019, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà C gồm có: ông Đoàn Văn M3, sinh năm 1956; bà Đoàn Thị Như M, sinh năm 1958; bà Đoàn Doãn Thị Bích V, sinh năm 1960; ông Đoàn Quang

M1, sinh năm 1961; ông Đoàn Đức M2, sinh năm 1963.

Ông Đoàn Văn M3 chết ngày 20/01/2010, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông M3 gồm có: bà Phạm Thanh H2, sinh năm 1957; chị Đoàn Thị Phương, sinh năm 1989; anh Đoàn Minh K, sinh năm 1992.

4. Về di sản: Xác định di sản cụ H7, cụ Đ để lại 01 gian nhà thờ và 01 nhà gác 02 tầng; giá trị quyền sử dụng đất tại số nhà 17, 19 ngõ 113 phố Y4, tổ 20 phường X3, quận X4, Thành phố H8 có diện tích 445,7m², có giá trị di sản là 29.198.223.167 đồng.

Trích công sức tôn tạo, quản lý di sản cho ông H bằng 01 kỷ phần thừa kế.

Chia bằng giá trị và hiện vật:

Do bà Doãn Thị C, ông Doãn Quốc B đã tự nguyện từ chối quyền được hưởng di sản thừa kế của cụ H7, cụ Đ. Di sản của cụ H7 và cụ Đ được chia làm 06 kỷ phần, theo đó mỗi kỷ phần thừa kế có giá trị: 29.198.223.167 đồng: 6 = 4.866.370.527 đồng (làm tròn).

Kỷ phần của ông S, bà Q1, ông N, bà M6 mỗi người được hưởng là: 4.866.370.527 đồng.

Kỷ phần của ông H (02 kỷ phần) do những người kế thừa quyền, nghĩa tố tụng là anh Doãn Quốc T, chị Doãn Mai H1, anh Doãn Quốc Tr được hưởng là: 9.732.741.054 đồng. Diện tích đất do ông Doãn Ngọc H đã bán cho bà Ngô Thị H5, ông Nguyễn Văn V1 sẽ được đối trừ vào kỷ phần mà ông H được hưởng.

Kỷ phần của ông Doãn Quốc S, bà Nguyễn Thị Quý đang ở nước ngoài được hưởng tạm giao cho những người thừa kế quyền, nghĩa tố tụng của ông H là anh Doãn Quốc T, chị Doãn Mai H1, anh Doàn Quốc Trí quản lý sử dụng; ông Doãn Quốc S và bà Doãn Thị Q1 hay những người thừa kế của ông S, bà Q1 nếu có yêu cầu giao lại kỷ phần thừa kế được hưởng thì những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Doãn Ngọc H có trách nhiệm thanh toán mỗi kỷ phần của ông S, bà Q1 giá trị bằng tiền là 4.866.370.527 đồng.

Kỷ phần của bà M6 giao cho ông B quản lý sử dụng.

Chia thừa kế di sản của cụ Doãn H7, cụ Hoàng Thị Đ bằng hiện vật (có sơ đồ kèm theo bản án) như sau:

Chia cho những người kế thừa quyền, nghĩa tố tụng của ông H là anh Doãn Quốc T, chị Doãn Mai H1, anh Doãn Quốc Tr diện tích đất là 117, 09m² cùng với 01 gian thờ, 01 nhà gác 2 tầng là di sản thừa kế của cụ Doãn H7 và cụ Hoàng Thị Đ và được tạm giao quản lý sử dụng kỷ phần thừa kế của ông Doãn Quốc S, bà Doãn Thị Q1 là 149,73m² tại số nhà 17 ngõ 113, phố Y4, phường X3, quận X4, thành phố H8.

Những người thừa kế quyền, nghĩa tố tụng của ông H là anh Doãn Quốc T, chị Doãn Mai H1, anh Doãn Quốc Tr phải thanh toán cho ông Doãn Quốc B

số tiền 4.866.370.527 đồng là giá trị kỷ phần thừa kế mà bà Doãn Thị M6 được hưởng. Mỗi người thanh toán 1.622.123.509 đồng.

Chia cho ông Doãn N diện tích đất là 74,86m² tại số nhà 17 ngõ 113, phố Y4, phường X3, quận Cầu, Thành phố H8.

Buộc anh Doãn Quốc T và gia đình phải tháo dỡ những công trình xây dựng là nhà gạch hai tầng giáp cổng ra vào và nhà mái tôn liền cạnh nhà gạch hai tầng và những người thừa kế quyền, nghĩa tố tụng của ông H là anh Doãn Quốc T, chị Doãn Mai H1, anh Doãn Quốc Tr; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đang ở trên đất phải bàn giao diện tích đất Tòa án đã chia hiện vật cho ông Doãn N.

Những công trình khác có trên diện tích đất Tòa án đã chia hiện vật cho những người thừa kế quyền, nghĩa tố tụng của ông H là anh Doãn Quốc T, chị Doãn Mai H1, anh Doãn Quốc Tr; gia đình anh Doãn Quốc T được tiếp tục sử dụng cho đến khi các đương sự có yêu cầu mới.

Các đương sự được quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất đối với các diện tích nhà đất được chia theo quyết định của bản án khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông Bo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 31/7/2021, nguyên đơn là ông Doãn Quốc B có đơn kháng cáo không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm yêu cầu anh Doãn Quốc T trả phần thừa kế của bà Doãn Thị M6 bằng tiền, đề nghị trả bằng đất; không đồng ý giao phần di sản của ông S, bà Q1 hiện đang ở Hoa Kỳ cho anh T quản lý.

Ngày 28/7/2021, anh Doãn Quốc T có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 04/8/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H8 có kháng nghị số 04/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; các đương sự kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư Phạm Lệ Quyên, Nguyễn Hà Luân trình bày quan điểm: Việc đánh giá bản di chúc năm 1983 có hợp lệ hay không là do HĐXX quyết định nhưng thực tế thì đây là ý chí, nguyện vọng của cụ Đ. Và phần diện tích đất mà gia đình anh T đang quản lý thì là sự đóng góp toàn bộ của ông H. Đề nghị HĐXX tiếp tục ra quyết định tạm đình chỉ vụ án để chờ kết quả ủy thác tư pháp. Nhất trí với nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành

phố H8, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của anh Doãn Quốc T, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Luật sư Đào Duy M4 trình bày quan điểm: Nhất trí với bản án sơ thẩm về bản di chúc năm 1983 do ông Doãn Ngọc H cung cấp không được lập theo đúng quy định của pháp luật nên không được công nhận. Về phần xây thêm mái của anh T tại ngôi nhà 02 tầng thì trị giá không lớn nên không cần xác định thêm về tài sản thừa kế. Các đương sự nên có sự thống nhất về việc dành một phần diện tích để xây dựng nhà thờ của gia đình. Kính mong HĐXX đưa ra quyết định thấu tình, đạt lý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có ý kiến thể hiện:

Về tố tụng: Vụ án có 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Doãn Quốc S và bà Doãn Thị Q1 có địa chỉ tại Hoa Kỳ. Ngày 16/01/2017, Tòa án nhân dân thành phố H8 thụ lý lại vụ án để xét xử sơ thẩm, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố H8 không ủy thác, tống đạt các văn bản, quyết định tố tụng đối với ông S, bà Q1 là vi phạm nghiêm trọng tố tụng theo quy định tại các Điều 474, 475, 476 và 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn ông Doãn Ngọc H (đã chết ngày 23/01/2020), tại phiên tòa anh Doãn Quốc T trình bày: Ông H có 02 vợ, vợ thứ nhất là bà Nguyễn Lĩnh Mai (bà M có lời khai từ năm 2007 ông bà đã ly hôn 24 năm), ông H và bà M có 02 con là Doãn Quốc T và Doãn Mai H1. Sau khi ly hôn, ông H kết hôn với bà D và có một con chung là anh Doãn Quốc Tr. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không lấy lời khai chị Doãn Mai H1 và anh Doãn Quốc Tr là thiếu sót. Bà D chết năm 1990 (chết trước ông H), kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H8 về nội dung Tòa án không đưa bà D vào tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H - vi phạm Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự là không chính xác, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội rút kháng nghị về phần nội dung này.

Về thu thập chứng cứ, thẩm định, định giá tài sản: Ngày 01/4/2011, Tòa án thẩm định và định giá tài sản đối với nhà đất tại số nhà 15, 17, 19 ngõ 113 tổ 37, phố Y4, phường X3, quận X4 nhưng không định giá đối với những tài sản, công trình anh T xây dựng mới thêm ngôi nhà 02 tầng diện tích 40m² và sửa chữa xây thêm 01 phần tầng 2, 01 nhà tạm lợp lá cọ. Như vậy, những tài sản anh T xây dựng trên đất tranh chấp có giá trị nhưng bản án sơ thẩm quyết định buộc anh T và gia đình phải tháo dỡ tài sản trên đất khi phân chia bằng hiện vật cho các thừa kế của cụ H7, cụ Đ là gây lãng phí, chưa đảm bảo quyền, lợi ích cho anh T.

Diện tích thửa đất tại các số nhà 15, 17, 19 ngõ 113 tổ 37 phố Y4, phường X3, quận X4, thành phố H8 qua các thời kỳ có sự biến động, cụ thể: Theo bản đồ năm 1960, tờ bản đồ số 03 là các thửa đất 356, 357, 359 có tổng diện tích 450m². Theo bản đồ năm 1992, ba thửa trên gộp lại thành 02 thửa: Thửa 639 có

diện tích 41m² và thửa 642 có diện tích 422m², tổng diện tích 463m². Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/4/2021, thửa đất tại địa chỉ nhà số 17 có diện tích 341,7m²; nhà số 15 có diện tích 41m²; nhà số 19 có diện tích 104m². Tổng diện tích 488,7m². Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T trình bày nhà đất số 15 có diện tích 41m² và số 17 có diện tích 341,7m² đều đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn nhà số 19 diện tích 104m^2 gia đình anh chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không định giá hết các tài sản trên đất tranh chấp, diện tích thực tế các đương sự sử dụng theo biên bản thẩm định nêu trên so với bản đồ năm 1960 có sự chênh lệch, tăng từ 450m² lên 488,7m². Tòa án chưa xác minh tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền về diện tích đất tăng thêm có thuộc diện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không, từ đó mới có cơ sở xác định di sản thừa kế của các cụ để lại chính xác là bao nhiêu.

Từ những phân tích trên, bản án sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thu thập chứng cứ, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội căn cứ Điều 289, khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đình chỉ một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H8, chấp nhận kháng cáo của anh Doãn Quốc T, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H8; hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2021/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố H8, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là ông Doãn Quốc B có yêu cầu khởi kiện chia thừa kế di sản của cụ Doãn H7 và cụ Hoàng Thị Đ. Ông Doãn N có yêu cầu độc lập chia thừa kế di sản của cụ Doãn H7 và cụ Hoàng Thị Đ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Doãn Quốc S, sinh năm 1923; Cư trú: 19714 Cristiwood Court Spring, TX 77379 USA và bà Doãn Thị Q1, sinh năm 1938; cư trú: 8525 Lampson Ave # A Garden Grove, CA 92841 USA. Tòa án nhân dân thành phố H8 thụ lý và xác định quan hệ pháp luật là: *"Tranh chấp chia thừa kế"* là đúng quy định tại khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.1] *Về thời hiệu khởi kiện:* Cụ Doãn H7 chết năm 1975, cụ Hoàng Thị Đ chết năm 1986, nguyên đơn khởi kiện chia thừa kế ngày 06/02/2007 và người có

quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chia di sản thừa kế ngày 14/3/2017 là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự 2015.

[1.2] *Về việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự ở nước ngoài:* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Doãn Quốc S và bà Doãn Thị Q1 ở nước ngoài, theo các đương sự cung cấp địa chỉ của những người này như sau: ông Doãn Quốc S, sinh năm 1923; Cư trú: 19714 Cristiwood Court Spring, TX 77379 USA và bà Doãn Thị Q1, sinh năm 1938; cư trú: 8525 Lampson Ave # A Garden Grove, CA 92841 USA. Trong quá trình giải quyết vụ án từ ngày 06/4/2007 cho đến nay, Tòa án nhân dân các cấp đã thực hiện rất nhiều lần các thủ tục ủy thác tư pháp để xác định rõ địa chỉ nhưng không có kết quả.

[1.3] Kháng cáo của ông Doãn Quốc B, anh Doãn Quốc T và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H8 trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.4] Tại phiên tòa, một số người thừa kế quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Doãn Ngọc H, bà Doãn Thị C và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H8, kháng cáo của anh Nguyễn Quốc T:

[2.1] Về phần thủ tục tố tụng:

Đối với kháng nghị về việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Bùi Thị D (vợ của ông Doãn Ngọc H) tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền và nghĩa vụ liên quan và thực hiện lấy lời khai của bà D. Nội dung kháng nghị này, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã rút kháng nghị. Do đó Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng nghị này.

Ông Doãn Ngọc H kết hôn với bà Bùi Thị D có 1 con chung là anh Doãn Quốc Tr, nay ông H, bà D đều đã chết, Tòa án cấp sơ thẩm đưa con trai của ông H, bà D là anh Tr và chị Doãn Mai H1 vào tham gia với tư cách là người có quyền và nghĩa vụ liên quan là đã đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự và không vi phạm pháp luật.

[2.2] Đối với kháng nghị về việc Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm tố tụng do không thực hiện việc định giá các tài sản do anh T xây dựng từ năm 2016, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi thụ lý lại vụ án để giải quyết theo thủ tục sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét, thẩm định lại tài sản tranh chấp và xác định năm 2016, anh T có xây dựng thêm các công trình: "1. Tại lối vào, anh T xây thêm tầng 2 (trước là nhà tầng 1) diện tích 40m^2, lợp mái tôn; 2. Tại ngôi nhà 2 tầng có sửa chữa xây thêm 1 phần tầng 2 của ngôi nhà này, xây gạch, lợp

tôn chống nóng, có hàng hiên lát gạch đỏ, mái kèo sắt không gỉ, diện tích khoảng 30m^2 và cầu thang bằng inox; 3. 1 nhà tạm vật liệu xây dựng bằng tre nứa, lợp mái lá cọ, sân lát đá đen, diện tích 2m05x5m60". Tuy quá trình giải quyết vụ án, bản thân anh T và các đương sự đều không đề nghị định giá các công trình xây dựng năm 2016 của anh T. Mặc dù những tài sản này đều được anh T xây dựng khi đang xảy ra tranh chấp và không được sự đồng ý của các đồng thừa kế khác là không đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định nhưng quyết định không thực hiện việc định giá tài sản và nhận định trong trường hợp chia bằng hiện vật cho các thừa kế khác xâm phạm đến các công trình này thì anh T phải tháo dỡ để trả lại diện tích đất được chia cho các đồng thừa kế khác là chưa đảm bảo, bởi các công trình trên có công trình được xây dựng kiên cố, việc tháo dỡ có thể ảnh hưởng đến kết cấu công trình và gây lãng phí. Do đó, cần tiến hành định giá để xác định giá trị của các công trình xây dựng thêm, khi chia di sản thừa kế trong trường hợp phần công trình xây dựng trên đất thừa kế (có công trình xây dựng thêm) được giao cho người được hưởng di sản thừa kế bằng hiện vật thì giao cho họ tiếp tục sử dụng, xem xét lỗi của người xây dựng công trình và quyết định trách nhiệm của người được hưởng di sản đối với phần xây dựng thêm này. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H8 về nội dung này có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Đối với nội dung kháng nghị cho rằng diện tích thửa đất tại các số nhà 15, 17, 19 ngõ 113 tổ 37, phố Y4, phường X3, quận X4, thành phố H8 qua các thời kỳ có sự biến động tăng từ 450m^2 thành 488,7m^2. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền về diện tích đất tăng thêm có thuộc diện được cấp GCNQSDĐ hay không, Hội đồng xét xử thấy: Diện tích thửa đất tại các số nhà 15, 17, 19 ngõ 113 tổ 37 phố Y4, phường X3, quận X4, thành phố H8 qua các thời kỳ có sự biến động. Cụ thể: Theo bản đồ năm 1960, tờ bản đồ số 03 là các thửa đất 356, 357, 359 có tổng diện tích 450m². Theo bản đồ năm 1992, ba thửa trên gộp lại thành 02 thửa: Thửa 639 có diện tích 41m² và thửa 642 có diện tích 422m², tổng diện tích 463m². Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/4/2021, thửa đất tại địa chỉ nhà số 17 có diện tích 341,7m²; nhà số 15 có diện tích 41m²; nhà số 19 có diện tích 104m². Tổng diện tích 488,7m². Mặc dù từ khi cụ H7, cụ Đ còn sống sử dụng thửa đất qua các thời kỳ thì thửa đất đã có ranh giới, tứ cận rõ ràng. Quá trình sử dụng đất, ông H cũng như các hộ gia đình giáp ranh đều không có tranh chấp. Ông H đã thực hiện chuyển nhượng một phần di sản của cụ H7, cụ Đ cho bà H5, ông V1, cũng như thỏa thuận chia cho bà Đ1 phần diện tích đất tại nhà số 15. Bà Đ1 đã thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất qua nhiều chủ sử dụng và đều đã được cấp GCNQSDĐ. Tuy nhiên diện tích đất gia đình bị đơn đang sử dụng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó cần xác minh tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền về diện tích đất tăng thêm cụ thể nằm ở thửa đất nào, có thuộc diện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không? Từ đó

có cơ sở xác định di sản thừa kế của cụ H7, cụ Đ để lại diện tích là bao nhiêu m^2 như kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H8 là có căn cứ.

[2.4] Đối với nội dung kháng nghị cho rằng ngày 16/01/2017, Tòa án thụ lý lại vụ án để xét xử sơ thẩm, quá trình giải quyết vụ án Tòa án không ủy thác, tống đạt các văn bản, quyết định tố tụng đối với ông S, bà Q1 là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại các Điều 474, 475, 476, 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án kể từ ngày thụ lý, giải quyết sơ thẩm lần đầu từ ngày 06/4/2007 cho đến nay Tòa án các cấp sơ thẩm, phúc thẩm đã thực hiện ủy thác tư pháp tống đạt các văn bản tố tụng, cũng như lấy ý kiến của ông S, bà Q1 theo địa chỉ mà các đương sự cung cấp, cụ thể ông Doãn Quốc S, sinh năm 1923; địa chỉ: 19714 Cristiwood Court Spring, TX 77379 USA và bà Doãn Thị Q1, sinh năm 1938; địa chỉ: 8525 Lampson Ave # A Garden Grove, CA 92841 USA, nhưng đều không có kết quả. Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm lại vụ án, các đương sự không cung cấp được địa chỉ nào khác của ông S, bà Q1. Do vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H8 về nội dung này là không cần thiết nên không được chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn ông Doãn Quốc B, yêu cầu độc lập của ông Doãn N và các yêu cầu kháng cáo của ông Doãn Quốc B, anh Doãn Quốc T, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Xác định hàng thừa kế của cụ Doãn H7 và cụ Hoàng Thị Đ: Theo lời khai thống nhất của các đương sự thì cụ Doãn H7 và cụ Hoàng Thị Đ sinh được 07 người con chung gồm: ông Doãn Quốc S, sinh năm 1923; bà Doãn Thị C, sinh năm 1929; ông Doãn N, sinh năm 1933; bà Doãn Thị Q1, sinh năm 1938; ông Doãn Ngọc H, sinh năm 1941; bà Doãn Thị M6, sinh năm 1944; ông Doãn Quốc B, sinh năm 1947. Ông Doãn Ngọc H chết năm 2020, những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông H gồm: anh Doãn Quốc T, sinh năm 1970; chị Doãn Mai H1, sinh năm 1973; anh Doãn Quốc Tr, sinh năm 1985. Bà Doãn Thị C chết năm 2019, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà C gồm: ông Đoàn Văn M3, sinh năm 1956; bà Đoàn Thị Như M, sinh năm 1958; bà Đoàn Doãn Thị Bích Vân, sinh năm 1960; ông Đoàn Quang M1, sinh năm 1961; ôngĐoàn Đức M2, sinh năm 1963. Ông Đoàn Văn M3 chết năm 2010, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M3 gồm: bà Phạm Thanh H2, sinh năm 1957; chị Đoàn Thị P, sinh năm 1989; anh Đoàn Minh K, sinh năm 1992.

Ngoài ra, các ông, Bá, ông N, bà C, bà M6 (các bút lục 239-240, 211, 70-71, 67) đều thống nhất thừa nhận năm 1940 cụ H7, cụ Đ có nhận bà Nguyễn Thị Đ1 về nuôi nhưng không làm thủ tục đăng ký nhận con nuôi; trong suốt thời gian từ những năm 1940 đến khi cụ H7 chết (năm 1975) và cụ Đ chết (năm 1986) bà Đ1 đã có nhiều đóng góp trong việc chăm sóc, phụng dưỡng cũng như phục vụ quá trình làm ăn của các cụ. Mặc dù bà Đ1 không xuất trình được giấy

tờ về việc được cụ H7, cụ Đ nhận nuôi, nhưng căn cứ lời khai của các con của cụ H7, cụ Đ và thực tế bà Đ1 đã ở tại nhà cụ H7, cụ Đ từ khi về ở cho đến khi bà Đ1 chết. Hội đồng xét xử thấy: khi còn sống cụ H7, cụ Đ đã nhận bà Đ1 về nuôi từ năm 13 tuổi cho đến khi bà Đ1 trưởng thành, kết hôn; sau khi bà Đ1 kết hôn vẫn tiếp tục ở cùng chăm sóc, phụng dưỡng cụ H7, cụ Đ. Mặc dù việc cụ H7, cụ Đ nhận nuôi bà Nguyễn Thị Đ1 không được lập thành văn bản, cũng không làm thủ tục nhận nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, căn cứ Điều 50 Luật nuôi con nuôi, Điều 23 Nghị định 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ về đăng ký việc nuôi con nuôi thực tế; Thông tư số 81/TANDTC ngày 24/07/1981 của Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 20/01/1988 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì việc nhận con nuôi của cụ Đ, cụ H7 không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức và trên thực tế, quan hệ giữa cha mẹ nuôi là cụ H7, cụ Đ và con nuôi là bà Đ1 đã được xác lập, các bên đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; việc nhận nuôi bà Đ1 của cụ Đ, cụ H7 đã được tất cả các con của cụ Đ, cụ H7 công nhận. Do đó, có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Đ1 là con nuôi thực tế của cụ Doãn H7 và cụ Hoàng Thị Đ.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định trong hồ sơ vụ án không có tài liệu chứng minh có việc nuôi dưỡng giữa cụ Đ, cụ H7 với bà Đ1 theo quy định pháp luật để xác định bà Đ1 không phải con nuôi của cụ H7, cụ Đ là không phản ánh đúng với thực tế khách quan của vụ án và không vận dụng đúng tinh thần của pháp luật về việc bảo vệ quan hệ nuôi con nuôi thực tế làm ảnh hưởng quyền lợi của người được nhận nuôi thực tế là bà Nguyễn Thị Đ1 theo quy định pháp luật.

[3.2] Xác định di sản thừa kế của cụ Doãn H7 và cụ Hoàng Thị Đ: Lời khai của các đương sự đều thống nhất khẳng định di sản của cụ H7, cụ Đ để lại gồm: quyền sở hữu, sử dụng nhà đất tại số 107 Y, diện tích 165m^2; quyền sử dụng đất và 01 gian nhà thờ, 01 nhà gác 2 tầng trên đất tại Xóm Tre, Làng Cót, huyện Từ Liêm, thành phố H8 (nay là số nhà 15, 17, 19 ngõ 113 phố Y4, phường X3, quận X4, thành phố H8). Tuy nhiên, hồ sơ vụ án và lời khai thống nhất của các đương sự thể hiện nhà đất tại số 107 Y đã được giải quyết bằng Quyết định công nhận hòa giải thành số 02/-HGT/DSST ngày 11/01/1994 của Tòa án nhân dân thành phố H8 đã có hiệu lực pháp luật. Mặt khác, đơn khởi kiện của ông Doãn Quốc B và đơn yêu cầu độc lập của ông Doãn N chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với nhà đất tại số 17, 19 ngõ 113 phố Y4, phường X3, quận X4, thành phố H8. Do vậy, trong quá trình giải quyết vụ án, anh Doãn Quốc T có yêu cầu đề nghị xác định nhà đất số 107 Y là di sản của cụ H7, cụ Đ để chia thừa kế là không có cơ sở chấp nhận.

[3.2.1] Về nguồn gốc, quá trình sử dụng nhà, đất tại số 15, 17, 19 ngõ 113 phố Y4, phường X3, quận X4, thành phố H8: Theo xác nhận của đại diện UBND phường X3 thể hiện: Theo bản đồ 1960 tờ bản đồ số 3 là các thửa đất số 356, 357, 359, chủ sử dụng là ông Doãn Thị (tức Doãn H7) và bà Hoàng Thị Đ,

trong đó thửa 356 có diện tích 110m^2, thửa 357 có diện tích 240m^2, thửa 359 có diện tích 100m^2, tổng diện tích là 450m^2. Bản đồ 1987 hiện không còn lưu giữ. Theo bản đồ 1992, ba thửa đất nói trên được gộp thành 2 thửa 639 có diện tích 41m^2 mang tên bà Nguyễn Thị Đ1 và thửa 642 diện tích 422m^2 mang tên ông Doãn Ngọc H. Đến bản đồ lập năm 1994 thì nhà số 15 thuộc một phần thửa 428 và 429 có diện tích 43m^2; nhà số 17 do gia đình anh Doãn Quốc T đang sinh sống thuộc thửa 429, chưa được cấp sổ đỏ; nhà số 19 ông Nguyễn Văn V1 và bà Ngô Thị H5 đang sinh sống thuộc một phần thửa 429, hiện đã được cấp sổ đỏ. Theo xác nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H8 thì thửa đất 428 tờ bản đồ số 531-A-IV lập năm 1994 có nguồn gốc ở vị trí 1 phần thửa số 781 tờ 3 hạ Yên Quyết (bản đồ năm 1939) đứng tên cụ Doãn H7 và cụ Hoàng Thị Đ; thửa đất 429 tờ bản đồ số 531-A-IV lập năm 1994 có nguồn gốc ở vị trí 1 phần thửa số 782 tờ 3 hạ Yên Quyết (bản đồ năm 1939) đứng tên cụ Doãn H7 và cụ Hoàng Thị Đ, một phần còn lại ông H đã bán 104m^2 cho ông Nguyễn Văn V1 và bà Ngô Thị H5.

[3.2.2] Đối với nhà đất tại số 15 ngõ 113 phố Y4, phường X3, quận X4, thành phố H8, diện tích 43m^2: Lời khai của ông B, ông N, bà C, bà M6 (tại các bút lục số 239-240, 70-71, 68, 67) thể hiện khi cụ H7, cụ Đ còn sống đã quyết định cho bà Nguyễn Thị Đ1 3 gian nhà ngang có diện tích khoảng 50m^2 gia đình bà Đ1 đang ở và các ông bà đều nhất trí với quyết định này. Anh Doãn Quốc T trình bày không biết sự việc cụ H7, cụ Đ khi còn sống cho bà Đ1 nhà, đất. Tuy nhiên, tại Biên bản thỏa thuận ngày 07/8/2003 (bút lục 307-308, 139) giữa gia đình anh T và gia đình bà Đ1 đã thống nhất nội dung: Phần diện tích đất 43m^2, có tứ cận: Phía Bắc giáp nhà anh Hải chiều dài 12,3m, phía Nam giáp nhà ông Doãn H dài 12,3m, phía Đông giáp nhà ông Doãn H rộng 3,5m, phía Tây giáp đường đi của xóm rộng 3,5m, thuộc toàn quyền sử dụng của gia đình bà Nguyễn Thị Đ1 (nay là số nhà 15 ngõ 113. Mặt khác ông Doãn Quốc B là người khởi kiện, ông Doãn N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập cùng các đương sự đều thống nhất đề nghị không chia thừa kế đối với nhà số 15. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Doãn Ngọc H khi còn sống cùng người đại diện là anh Doãn Quốc T cũng không có yêu cầu phản tố đề nghị chia thừa kế nhà số 15. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là phù hợp.

[3.2.3] Đối với nhà, đất số 17 ngõ 113 phố Y4, phường X3, quận X4, thành phố H8, diện tích 104m^2: Hồ sơ vụ án thể hiện năm 1993 ông Doãn Ngọc H bán 104m^2 tại nhà số 17 ngõ 113 cho ông Nguyễn Văn V1 và bà Ngô Thị H5. Tuy nhiên, việc mua bán giữa ông H và ông V1, bà H5 không được sự đồng ý của các anh, chị em của ông H thể hiện tại các đơn khiếu nại của bà Doãn Thị M6 và các lời khai của các ông, bà Bá, Nho, Mỹ, Chừng có trong hồ sơ vụ án. Sau khi nhận chuyển nhượng đất, ông V1, bà H5 đã xây dựng công trình trên đất và đã được cấp GCNQSDĐ năm 2004. Như vậy, việc ông H tự ý bán một phần di sản của cụ H7, cụ Đ khi chưa có sự đồng ý của các anh, chị em là người được thừa kế của cụ H7, cụ Đ nên cần xác định quyền sử dụng diện tích đất tại số 17

ngõ 113 phố Y4 là di sản của cụ Đ, cụ H7 chưa chia. Tuy nhiên, do ông V1, bà H5 là người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông H đã được cấp GCNQSDĐ, xây dựng công trình kiên cố và sử dụng ổn định từ năm 1993 đến nay. Để đảm bảo quyền sở hữu tài sản cũng như đảm bảo tính ổn định của các công trình kiên cố trên đất, thì khi chia di sản thừa kế của cụ H7, cụ Đ kỷ phần thừa kế của ông H sẽ được đối trừ vào phần diện tích ông H đã bán cho ông V1, bà H5.

[3.3] Di sản thừa kế của cụ H7, cụ Đ để lại được xem xét giải quyết chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn ông Doãn Quốc B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Doãn N gồm: quyền sử dụng đất tại số nhà 17, 19 ngõ 113 phố Y4, phường X3, quận X4, thành phố H8. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm thì nhà số 17, 19 ngõ 113 có diện tích 445,7m^2. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất định giá quyền sử dụng diện tích đất 445,7m^2 có giá 65.000.000 đồng/1m^2. Do đó, di sản thừa kế của cụ Doãn H7 và cụ Hoàng Thị Đ để lại có tổng giá trị là: 28.970.500.000 đồng.

[3.3.1] Xét yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Doãn H7 và cụ Hoàng Thị Đ, Hội đồng xét xử thấy: Hồ sơ vụ án thể hiện cụ H7 chết không để lại di chúc, cụ Đ chết có để lại 02 di chúc lập ngày 24/7/1978 và ngày 16/01/1983.

Đối với di chúc ngày 16/01/1983 do bị đơn xuất trình: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không thừa nhận việc cụ Đ để lại di chúc ngày 16/01/1983. Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện trưng cầu giám định chữ ký dạng chữ viết "Đức" trong bản di chúc ngày 18/01/1983 với dạng chữ viết tại di chúc ngày 24/7/1978; tại kết luận giám định khẳng định không phải chữ ký của cụ Đ trong bản di chúc ngày 16/01/1983. Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục trưng cầu giám định chữ ký dạng chữ viết "Đức" tại dòng cuối bản di chúc ghi ngày 3 tháng 12 Nhâm Tuất tức (ngày 16/01/1983) với chữ ký dạng chữ viết "Đức" dưới dòng chữ "Hà Nội ngày 18/01/1983", tại kết luận giám định số 2898 ngày 20/12/2010 của Viện Khoa học hình sự kết luận là do cùng một người viết ra. Như vậy, thì các di chúc ngày 16/01/1983 và ngày 18/01/1983 do bị đơn xuất trình là không hợp pháp.

Đối với di chúc ngày 24/7/1978: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định chỉ liên quan đến ngôi nhà 107 Y là không đúng với tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Cụ thể tại Di chúc ngày 24/7/1978 (bút lục số 252-253) có nội dung: "…Dinh cơ ở xóm Tre, xã Yên Hòa, Từ Liêm, Hà Nội giao quyền thừa kế cho các con trai Doãn Quốc S, Doãn N, Doãn H, Doãn Quốc B trong đó con Doãn N chịu trách nhiệm quản lý chính các con gái Doãn Thị C, Doãn Thị Q1, Doãn Mỹ và cháu dâu Nguyễn Thị Đ1 có quyền được ở khi cần thiết nhưng không được đòi chia đất ở riêng hoặc để bán cho người ngoài…". Hồ sơ vụ án thể hiện các đương sự đều thừa nhận cụ Đ có viết di chúc ngày 24/7/1978 nêu trên (bút lục 350-352). Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ tính hợp pháp của di chúc ngày 24/7/1978 của cụ

Đ để làm căn cứ giải quyết vụ án là không đúng quy định tại Điều 650 Bộ luật Dân sự, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Mặt khác, hồ sơ vụ án thể hiện ngày 05/12/2005, ông Doãn Quốc S, bà Doãn Thị Q1 mặc dù cư trú tại Mỹ nhưng đã tiến hành lập Văn bản nhường quyền thừa kế tại phòng 304 - B8 tập thể O7, phố O8, quận Z5, thành phố H8, có chứng nhận của ông Nguyễn Quang P1 công chứng viên Phòng Công chứng số 3 thành phố H8 (bút lục số 536-537, 294-295). Tòa án cấp sơ thẩm đã không thực hiện các biện pháp tố tụng để xác định tính hợp pháp của Văn bản nhường quyền thừa kế ngày 05/12/2005 để làm căn cứ giải quyết vụ án, cụ thể như: Không thực hiện việc xác minh có hay không sự việc ông S, bà Q1 lập Văn bản nhường quyền thừa kế ngày 05/12/2005 nêu trên; không lấy ý kiến của các đương sự cũng như trích xuất từ Cục xuất nhập cảnh về thời gian ngày 05/12/2005 ông S, bà Q1 có nhập cảnh về Việt Nam hay không? Không tiến hành xác minh tại Văn phòng công chứng số 3 thành phố H8 liên quan đến hành vi chứng nhận tại Văn bản nhường quyền thừa kế ngày 05/12/2005 nêu trên của ông S, bà Q1. Tòa án cấp sơ thẩm không đánh giá toàn diện các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và nhận định cho rằng Tòa án đã thực hiện việc ủy thác tư pháp để xác định địa chỉ và nguyện vọng của ông S, bà Q1 nhưng không có kết quả, áp dụng Án lệ số 06/2016 để giải quyết vụ án là chưa đủ căn cứ. Bởi lẽ, theo nội dung Án lệ số 06/2016 thể hiện quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện việc ủy thác tư pháp, thu thập chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn không xác định được địa chỉ và không thu thập được ý kiến của đương sự ở nước ngoài thì Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu của nguyên đơn vắng mặt các đương sự ở nước ngoài. Trong vụ án này, ông B đã cung cấp được địa chỉ của ông S, bà Q1 tại Mỹ và cung cấp được tài liệu thể hiện ý kiến, quan điểm của ông S, bà Q1 gửi cho Tòa án cũng như gửi cho các đương sự; các đương sự cũng cung cấp các văn bản trình bày quan điểm của ông S, bà Q1. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không đánh giá tính hợp pháp của tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp cũng như không làm rõ tính hợp pháp của các tài liệu, chứng cứ này để làm căn cứ giải quyết vụ án. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án, ông B đều yêu cầu được xác lập quyền được hưởng kỷ phần thừa kế của ông S, bà Q1 theo Văn bản nhường quyền thừa kế ngày 05/12/2005. Trường hợp Văn bản nhường quyền thừa kế ngày 05/12/2005 của ông S, bà Q1 là hợp pháp thì việc áp dụng Án lệ số 06/2016 của Tòa án cấp sơ thẩm là không đúng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế khác.

Ngoài ra diện tích đất di sản rộng, tuy trên đất có nhiều công trình xây dựng nhưng có công trình xây dựng năm 1933, có công trình xây dựng năm 1954, có công trình xây dựng từ năm 1990. Tòa án cấp sơ thẩm khi xem xét thẩm định tại chỗ không xem xét kết cấu của các công trình đã xây dựng, để xem xét có thể chia di sản bằng hiện vật cho nguyên đơn theo yêu cầu hay không là chưa đảm bảo, ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự.

Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về tố tụng, đánh giá không đúng các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án; sai sót trong việc xác định khối di sản thừa kế của cụ H7, cụ Đ để chia theo yêu cầu của các đương sự; thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự; tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên xét thấy cần phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định pháp luật.

[4] Về án phí: Do Bản án sơ thẩm bị hủy nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; Tòa án cấp sơ thẩm sẽ quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khi giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 3 Điều 289, khoản 3, 5 Điều 308, khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 của Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần kháng nghị về thủ tục tố tụng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H8; Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H8, một phần kháng cáo của anh Doãn Quốc T; Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Doãn Quốc B. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2021/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố H8.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố H8 giải quyết, xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Ông Doãn Quốc B, anh Doãn Quốc T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả anh Doãn Quốc T số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu số 0000542 ngày 10/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố H8. Án phí, tạm ứng án phí và chi phí tố tụng dân sự sơ thẩm sẽ được quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố H8 (kèm HSVA);
- VKSND thành phố H8;
- Cục THADS thành phố H8;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Thị Thu Hà